



VILAS 058

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI

518 - 520 Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai

Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

Số 26.02902
26.2619/1DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

15/10/2026

Trang 1/2

- Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN KCN HỒ NAI
KCN Hồ Nai, phường Hồ Nai, Tp.Đồng Nai
- Vị trí lấy mẫu : Đầu vào HTXLNT
- Tên mẫu : Nước thải
- Ký hiệu mẫu : NT1
- Ngày lấy mẫu : 17/9/2026
- Ngày nhận mẫu : 17/9/2026
- Thời gian thử nghiệm : 17/9/2026 - 15/10/2026
- Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày trả kết quả
- Kết quả : Xem trang 2/2

KT. TRƯỞNG PHÒNG PTTN
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Chu Ngọc Tuấn

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Mai Liên

- Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
- Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
- Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI

518 - 520 Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai

Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

Số 26.02902

26.2619/1DV

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI

ĐỒNG NAI

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

15/10/2026

Trang 2/2

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN40:2011/ BINMT CộtA Kq=0,9; Kf=0,9
1	Nhiệt độ ^{(1)(*)}	°C	SMEWW 2550 B:2023	31,8	40
2	pH ^{(1)(*)}		TCVN 6492:2011	7,54	6 - 9
3	Độ màu ⁽¹⁾	Pt - Co	SMEWW 2120 C:2023	20	50
4	BOD ₅ (20°C) ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 5210 B:2023	27	24
5	COD ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 5220 C:2023	71	61
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 6625:2000	57	40
7	Amoni (tính theo N) ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 5988:1995	5,50	4,05
8	Tổng nitơ ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 6638:2000	16,1	16,2
9	Tổng phot pho ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 6202:2008	2,22	3,24
10	Florua (F ⁻) ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ B&D:2023	1,58	4,05
11	Clorua (Cl ⁻) ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 6194:1996	187	405
12	Clo dư (Cl ₂) ^{(1)(*)}	mg/L	SMEWW 4500-Cl G:2023	<0,05	0,81
13	Tổng xyanua ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 6181:1996	<0,002	0,057
14	Sulfua (S ²⁻) ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ B&D:2023	<0,1	0,16
15	Tổng phenol ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 6216:1996	<0,004	0,081
16	Dầu mỡ khoáng ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 5520 B&F:2023	<3	4,05
17	Asen (As) ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 3114 B:2023	0,0010	0,041
18	Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 7877:2008	<0,0005	0,0041
19	Chì (Pb) ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,01	0,081
20	Cadimi (Cd) ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,001	0,041
21	Crôm VI (Cr ⁶⁺) ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	<0,01	0,041
22	Đồng (Cu) ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	0,026	1,62
23	Kẽm (Zn) ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	0,36	2,43
24	Niken (Ni) ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	0,11	0,16
25	Mangan (Mn) ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	0,074	0,41
26	Sắt (Fe) ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 6177:1996	1,23	0,81
27	Crôm III (Cr ³⁺) ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023 & SMEWW 3120 B:2023	0,069	0,16
28	Coliform ⁽¹⁾	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221 B:2023	5,4x10 ⁴	3.000

Chú thích:

SMEWW : Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater

(1) : Thông số được công nhận VILAS

(*) : Thông số đo đặc tại hiện trường

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đặc, thử nghiệm

2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản

3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

BM-BCKQ/02



VILAS 058

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI

518 - 520 Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai

Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

Số 26.02902
26.2619/2DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

15/10/2026

Trang 1/2

- Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN KCN HỒ NAI
KCN Hồ Nai, phường Hồ Nai, Tp.Đồng Nai
- Vị trí lấy mẫu : Đầu ra HTXLNT
- Tên mẫu : Nước thải
- Ký hiệu mẫu : NT2
- Ngày lấy mẫu : 17/9/2026
- Ngày nhận mẫu : 17/9/2026
- Thời gian thử nghiệm : 17/9/2026 - 15/10/2026
- Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày trả kết quả
- Kết quả : Xem trang 2/2

KT.TRƯỞNG PHÒNG PTTN
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Chu Ngọc Tuấn

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Mai Liên

- Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
- Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
- Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI

518 - 520 Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai

Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

15/10/2026

Trang 2/2

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BINMT Cột A K _f =0,9; K _f =0,9
1	Nhiệt độ ^{(1)(*)}	°C	SMEWW 2550 B:2023	31,6	40
2	pH ^{(1)(*)}		TCVN 6492:2011	7,43	6 - 9
3	Độ màu ⁽¹⁾	Pt - Co	SMEWW 2120 C:2023	18	50
4	BOD ₅ (20°C) ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 5210 B:2023	7	24
5	COD ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 5220 C:2023	17	61
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 6625:2000	9	40
7	Amoni (tính theo N) ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,69	4,05
8	Tổng nitơ ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 6638:2000	10,6	16,2
9	Tổng phốt pho ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 6202:2008	0,23	3,24
10	Florua (F ⁻) ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ B&D:2023	1,47	4,05
11	Clorua (Cl ⁻) ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 6194:1996	184	405
12	Clo dư (Cl ₂) ^{(1)(*)}	mg/L	SMEWW 4500-Cl G:2023	<0,05	0,81
13	Tổng xyanua ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 6181:1996	<0,002	0,057
14	Sulfua (S ²⁻) ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ B&D:2023	<0,1	0,16
15	Tổng phenol ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 6216:1996	<0,004	0,081
16	Dầu mỡ khoáng ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 5520 B&F:2023	<3	4,05
17	Asen (As) ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 3114 B:2023	<0,001	0,041
18	Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 7877:2008	<0,0005	0,0041
19	Chì (Pb) ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,01	0,081
20	Cadimi (Cd) ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,001	0,041
21	Crôm VI (Cr ⁶⁺) ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	<0,01	0,041
22	Đồng (Cu) ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,01	1,62
23	Kẽm (Zn) ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,05	2,43
24	Niken (Ni) ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	0,049	0,16
25	Mangan (Mn) ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,05	0,41
26	Sắt (Fe) ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 6177:1996	0,10	0,81
27	Crôm III (Cr ³⁺) ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023 & SMEWW 3120 B:2023	<0,01	0,16
28	Coliform ⁽¹⁾	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221 B:2023	<2	3.000

Chú thích:

SMEWW : Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater

(1) : Thông số được công nhận VILAS

(*) : Thông số đo đặc tại hiện trường

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm

2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản

3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

Q326B116671
(MTTN26016570.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/09/2026
Trang/ Page: 1/2

- Tên mẫu : **NƯỚC THẢI: 26.2619/1 DV**
Thời gian lấy mẫu: 17/09/2026
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp
- Dạng mẫu: lỏng
- Dụng cụ chứa: bình nhựa
- Số đơn vị/mẫu: 2 L
- Số lượng mẫu : 01
- Ngày nhận mẫu : 18/09/2026
- Thời gian thử nghiệm : 18/09/2026 - 29/09/2026
- Nơi gửi mẫu : **TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI**
Số 236, đường Phan Trung, Phường Tam Hiệp, Thành phố Đồng Nai
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Phan Thành Trung



Q326B116671
 (MTTN26016570.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/09/2026

Trang/ Page: 2/2

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.1	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng ⁽¹⁾	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,03
7.2	Hoạt độ phóng xạ beta tổng ⁽¹⁾	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	0,82	-

Ghi chú:

- ⁽¹⁾: Các chỉ tiêu được chứng nhận VIMCERTS 078
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- KPH: Không phát hiện

2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

Q326B116671
(MTTN26016570.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/09/2026
Trang/ Page: 1/2

- Tên mẫu : NƯỚC THẢI: 26.2619/2 DV
Thời gian lấy mẫu: 17/09/2026
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp
- Dạng mẫu: lỏng
- Dụng cụ chứa: bình nhựa
- Số đơn vị/mẫu: 2 L
- Số lượng mẫu : 01
- Ngày nhận mẫu : 18/09/2026
- Thời gian thử nghiệm : 18/09/2026 - 29/09/2026
- Nơi gửi mẫu : TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
Số 236, đường Phan Trung, Phường Tam Hiệp, Thành phố Đồng Nai
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phan Thành Trung



Q326B116671
(MTTN26016570.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/09/2026

Trang/ Page: 2/2

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.1	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng ⁽¹⁾	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,03
7.2	Hoạt độ phóng xạ beta tổng ⁽¹⁾	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	0,63	-

Ghi chú:

- ⁽¹⁾: Các chỉ tiêu được chứng nhận VIMCERTS 078
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- KPH: Không phát hiện

2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

